



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỈNH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Khắc Hoàn^{1*}, Lê Thị Phương Thảo², Hoàng La Phương Hiền², Phan Minh Huấn¹

¹ Đại Học Huế

² Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Tóm tắt: Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá những cơ hội, thách thức đối với các làng nghề truyền thống của Hà Tĩnh hiện nay. Nhìn chung, điều kiện tự nhiên thuận lợi, kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ, lợi thế về quy mô dân số đông, hệ thống chính sách và định hướng phát triển, khôi phục các làng nghề truyền thống được chú trọng... là những yếu tố tạo cơ hội phát triển đối với các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, sự phát triển các làng nghề ở Hà Tĩnh còn gặp những khó khăn, thử thách trong giai đoạn hiện nay như quy mô nhỏ bé, kỹ thuật sản xuất chủ yếu vẫn là thủ công, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh sản phẩm thấp... Để đưa các nghề, làng nghề tại Hà Tĩnh bảo tồn và phát triển, các cấp chính quyền cũng như bản thân các làng nghề, hộ nghề phải thực hiện đồng bộ chính sách và giải pháp kinh tế – xã hội nhằm khuyến khích, hỗ trợ, giúp đỡ, tạo môi trường thuận lợi cho làng nghề phát triển trong bối cảnh hội nhập như hiện nay.

Từ khóa: thách thức, làng nghề truyền thống, Hà Tĩnh

1 Đặt vấn đề

Trong những năm qua, tại Việt Nam quá trình hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống đã góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, đời sống người lao động từng bước được nâng cao, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động, giảm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần quan trọng đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, trước yêu cầu của hội nhập quốc tế, thực tiễn phát triển nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, phải đối mặt nhiều khó khăn thách thức. Một số làng nghề thiếu vốn và thiếu nguyên liệu trầm trọng, thị trường tiêu thụ không ổn định, thậm chí có làng nghề thủ công truyền thống đã bị mai một. Những làng nghề còn tồn tại được thì quy mô nhỏ bé, phân tán và tự phát. Sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề còn ít và đơn điệu, chất lượng chưa cao, vì vậy sức vươn của sản phẩm nghề còn thấp. Nếu những vấn đề trên không được giải quyết kịp thời, các nghề, làng nghề truyền thống ở Việt Nam sẽ không những không phát huy được tiềm năng, thế mạnh, mà thậm chí còn bị mai một; từ đó, tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến kinh tế, chính trị, xã hội của các địa phương nhất là khu vực nông thôn.

Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu, đánh giá những cơ hội, thách thức đối với nghề, làng nghề truyền thống tại tỉnh Hà Tĩnh – nơi được đánh giá là địa phương có tốc độ phát

* Liên hệ: nguyenkhachoan207@gmail.com

triển và đô thị hóa mạnh mẽ so với cả nước với những cơ hội phát triển và thách thức trong bối cảnh kinh tế hội nhập như hiện nay và qua đó có cái nhìn tổng quát cho sự phát triển của các làng nghề truyền thống trong cả nước nói chung.

2 Thực trạng của các làng nghề truyền thống tại Hà Tĩnh

2.1 Số lượng và sự phân bố làng nghề truyền thống tại tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh trong những năm gần đây có sự phát triển vượt bậc về mặt kinh tế xã hội. Tuy nhiên, sự phát triển các làng nghề tại đây không thật mạnh mẽ như các địa phương khác trong cùng khu vực. Hà Tĩnh có 30 làng nghề, tập trung vào các ngành chính: sản xuất đồ gỗ, hàng kim khí điện máy, chế biến lương thực, chế biến thủy hải sản, sản xuất mây tre đan, chiếu cói, nón lá. Các mặt hàng do các làng nghề sản xuất có thị trường tiêu thụ rộng, nhu cầu của người tiêu dùng đa dạng, phong phú về chủng loại và phẩm cấp từ hàng cao cấp đến hàng thông dụng. Một số làng nghề đã đầu tư vốn, đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã sản phẩm nên đã mở rộng được quy mô sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ như làng mộc Thái Yên, kim khí Trung Lương, nước mắm Cẩm Nhượng... Tuy nhiên, một số làng nghề hiện nay do nguồn nguyên liệu cạn kiệt, một số sản phẩm công nghiệp khác thay thế, tập quán tiêu dùng thay đổi nên bị mai một hoặc mất hẳn như làng dệt chiếu cói Lam Hồng – Nghi Xuân, Làng nón Ba Giang xã Thạch Hà, Làng dệt tơ lụa Châu Phong – Đức Thọ, làng tre đan xã Thạch Long – Thạch Hà, làng nón Tiên Điền... Ngoài ra, Hà Tĩnh còn du nhập thêm nhiều làng nghề mới và có tốc độ phát triển nhanh, như nghề sản xuất vật liệu xây dựng ở thị xã Hồng Lĩnh, Kỳ Anh, Đức Thọ, làng Cu Đơ Đại Nài..., nhưng số làng đạt tiêu chí quy định chưa đáng kể.

Chính vì vậy, tính đến năm 2015, UBND tỉnh Hà Tĩnh chỉ có quyết định công nhận 6 nghề và 7 làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. Các nghề truyền thống được công nhận gồm nghề truyền thống Mộc Thái Yên, chế biến nước mắm Cẩm Nhượng, Nón lá Kỳ Thu, Chế biến nước mắm Tam Hải, Chiếu cói Nam Sơn, Mây tre đan Yên Mỹ. Các làng nghề truyền thống được công nhận gồm nón lá Kỳ Thu, xã Kỳ Thu, huyện Kỳ Anh; mây tre đan Yên Mỹ, xã Liên Minh, huyện Đức Thọ; chiếu Cói Nam Sơn, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc; chế biến nước mắm Tam Hải, xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh; mộc Thái Yên, xã Thái Yên, huyện Đức Thọ; rèn Trung Lương, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh và mộc Tràng Đình, xã Yên Lộc, huyện Can Lộc. Trong tổng số các làng nghề truyền thống ở Hà Tĩnh, số lượng các làng nghề truyền thống chủ yếu tập trung ở nhóm các làng nghề thủ công mỹ nghệ, sau đó là nhóm nghề chế biến thủy sản, nhóm cơ khí, kim khí, điện tử chỉ có 1 và nhóm công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng không có làng nghề truyền thống nào được công nhận tại tỉnh Hà Tĩnh.

2.2 Vốn sản xuất kinh doanh và hình thức tổ chức kinh doanh ở các làng nghề truyền thống Hà Tĩnh

Làng nghề truyền thống ở Hà Tĩnh hiện nay bao gồm nhiều hình thức tổ chức kinh doanh nhưng phổ biến là kinh tế hộ gia đình. Hộ kinh tế gia đình có nhiều hạn chế về vốn và lao động nên đổi mới công nghệ khó khăn, hạn chế mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, trong các năm qua, nhờ sự hỗ trợ tích cực từ các cơ quan, ban ngành và địa phương, cơ cấu về vốn và lao động

tại các làng nghề đã có những khởi sắc đáng kể. Theo số liệu điều tra ngành nghề nông thôn ở Hà Tĩnh giai đoạn 2011–2015, vốn đầu tư ở các làng nghề sản xuất chủ yếu là vốn tự có và chiếm dụng lẫn nhau, vốn vay của các tổ chức tín dụng rất ít nên việc mở rộng sản xuất gặp khó khăn. Như vậy, có thể thấy rằng vốn của các hộ gia đình sản xuất trong các làng nghề ở Hà Tĩnh thấp. Hiện nay một số cơ sở sản xuất, hộ gia đình đang có nhu cầu vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất. Qua tìm hiểu ở làng nghề mộc Thái Yên và làng nghề rèn đúc – Trung Lương nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất là rất lớn. Đối với làng nghề rèn đúc – Trung Lương chủ yếu vay từ hợp tác xã tín dụng Quỳnh Lương – phường Trung Lương. Hình thức tổ chức sản xuất ở các làng nghề chủ yếu là hộ sản xuất cá thể, một số doanh nghiệp được thành lập nhưng còn ít và hoạt động hiệu quả chưa cao. Mặt khác, do cơ chế, chính sách về tín dụng, thuế, quản lý nguồn gốc nguyên liệu đầu vào như gỗ... của Nhà nước nói chung còn chưa phù hợp và đồng bộ trong các ngành, các lĩnh vực nên đã gây khó khăn cho các cơ sở sản xuất về vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm ra thị trường nhất là thị trường ngoài tỉnh.

Bảng 1. Tình hình nguồn vốn các làng nghề truyền thống tại Tỉnh Hà Tĩnh

| Stt | Nhóm nghề | Làng nghề | Nguồn vốn (triệu đồng) | |
|-----|-------------------|--------------------------|------------------------|------------|
| | | | Ngân sách | Vay, Tự có |
| 1 | Chế biến nước mắm | Cẩm Nhượng | 1.250 | 10.750 |
| | | Tam Hải – Kỳ Ninh | 1.250 | 10.750 |
| 2 | Mộc | Thái Yên | 11.000 | 49.000 |
| 3 | Nón lá | Kỳ Thư | - | 3.000 |
| 4 | Chiếu cói | Nam Sơn – Thị Trấn Nghèn | - | 6.000 |
| 5 | Mây tre đan | Yên Mĩ | 100 | 4.900 |
| 6 | Rèn đúc | Trung Lương | 16.000 | 84.000 |

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Chi cục Phát triển nông thôn Hà Tĩnh năm 2015

2.3 Tình hình lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 2. Tình hình lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh

| Stt | Nghề | Làng nghề | Số hộ (hộ) | Số lao động (người) | Doanh thu (triệu đồng) |
|-----|-------------------|-------------------|------------|---------------------|------------------------|
| 1 | Chế biến nước mắm | Cẩm Nhượng | 934 | 1252 | 215.562 |
| | | Tam Hải – Kỳ Ninh | 33 | 120 | 9.200 |
| 2 | Mộc | Thái Yên | 1.051 | - | 635.253 |
| 3 | Nón lá | Kỳ Thư | 226 | 357 | 235 |
| 4 | Chiếu cói | Thị Trấn Nghèn | 240 | 285 | 6.000 |
| 5 | Mây tre đan | Yên Mĩ | 100 | 132 | 8.560 |
| 6 | Rèn đúc | Trung Lương | 491 | 2.400 | 383.550 |

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Chi cục Phát triển nông thôn Hà Tĩnh năm 2015

Giá trị sản xuất của các nghề, làng nghề truyền thống hàng năm đều tăng khá, doanh thu ở các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong năm 2015 đạt khoảng 208,250 tỷ

đồng. Trong đó, do đặc tính của sản phẩm, doanh thu của các làng nghề truyền thống như chế biến nước mắm Cẩm Nhượng, mộc Thái Yên và rèn đúc Trung Lương có doanh thu cao hơn so với các nghề truyền thống về thủ công mỹ nghệ như mây tre đan, nón lá, chiếu cói, ví dụ như mộc Thái Yên doanh thu năm 2015 là 635.253 triệu đồng.

Bên cạnh sự mở rộng quy mô về vốn, các làng nghề đã góp phần tích cực trong vấn đề xóa đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động, giảm thiểu tối đa số lượng lao động nông thôn. Sự gia tăng về cơ cấu lao động trong các nhóm ngành qua các năm cho thấy sự phát triển mở rộng của các làng nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp. Qua bảng số liệu ta có thể nhận thấy các làng nghề đã giải quyết được việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương. Đặc biệt là làng nghề chế biến nước mắm Cẩm Nhượng (1.252 lao động); rèn đúc Trung Lương có đến 2.400 lao động; mộc Thái Yên thu hút đến 1.051 hộ. Sự gia tăng về số lượng lao động cao và ổn định cho thấy tiềm năng to lớn về phát triển làng nghề. Các lao động tăng thêm tại các làng nghề chứng tỏ các làng nghề ngày càng lớn mạnh, các lao động nông thôn tin tưởng vào sự phát triển các làng nghề và có thể sống dựa vào nghề. Lao động thuộc nhóm 2: nhóm thủ công mỹ nghệ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các nhóm nghề. Tuy nhiên, một số nhóm nghề như nón lá, chiếu cói thời gian qua gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, số lao động chuyên khá ít, chủ yếu là lao động kiêm, tay nghề không cao.

3 Những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay

3.1 Những cơ hội phát triển của các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh

Điều kiện tự nhiên thuận lợi đã mang lại cho làng nghề truyền thống Hà Tĩnh những cơ hội bảo tồn và phát triển. Hà Tĩnh có một hệ thống các hồ tự nhiên và nhân tạo có giá trị lớn đối với đời sống sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Trong đó có một số hồ rất có giá trị đối với hoạt động du lịch như hồ Ké Gỗ (huyện Cẩm Xuyên), hồ Thượng Tuy (huyện Cẩm Xuyên), hồ Cù Lây (huyện Can Lộc)... Tài nguyên đất của Hà Tĩnh khá đa dạng, diện tích rừng tự nhiên lớn đã tạo nên sự đa dạng và phát triển các loại cây trồng nông nghiệp và một số loại cây trồng cung cấp nguyên liệu đầu vào khác cho hoạt động sản xuất sản phẩm tại các làng nghề truyền thống. Nguồn tài nguyên biển dồi dào là cơ hội phát triển nghề chế biến thủy hải sản và làm nước mắm tại Tam Hải, xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh. Ngoài ra, Hà Tĩnh sở hữu một nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng với nhiều loại có trữ lượng lớn như sắt, đồng... đó là lý do của sự hưng thịnh một thời của nhóm sản phẩm TCMN kim khí nói riêng và nghề truyền thống sản xuất mặt hàng kim khí nói chung.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển khá đồng bộ, hợp lý đảm bảo cho sản xuất được ổn định và thuận lợi cho giao lưu buôn bán. Hệ thống giao thông với các đường tỉnh lộ, đường liên xã bao quanh tạo thành hệ thống đường trung chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm giữa địa phương với các vùng khác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động gia thương của làng nghề.

Hà Tĩnh có lợi thế về quy mô dân số đông, mật độ dân số tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn và tỷ lệ dân số ở tuổi lao động lớn đã cung cấp nguồn lao động dồi dào, phù hợp cho

việc phát triển các nghề và làng nghề truyền thống. Trong đó, mô hình sản xuất hộ gia đình là chủ yếu đã tận dụng được sức lao động của mọi thành viên trong gia đình, trong đó phải kể đến phụ nữ và trẻ em. Trẻ em trong làng tham sản xuất cùng gia đình từ khi còn nhỏ theo hình thức phụ việc, vừa học vừa làm, đây là điểm thuận lợi cho việc giữ nghề và phát triển nghề bởi qua hình thức này, nghệ nhân và những người thợ giỏi trong làng, có tay nghề trong làng sẽ truyền dạy cho đội ngũ kế cận tham gia làm nghề những kinh nghiệm, bí quyết nghề nghiệp, nhờ đó mà nghề không bị mai một.

Với những thành tựu đạt được của công tác giáo dục – đào tạo nói chung và công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm nói riêng tại tỉnh Hà Tĩnh đã góp phần đắc lực cho việc nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng của một bộ phận lao động nông thôn trong các làng nghề và ngành nghề truyền thống; lưu truyền và bảo tồn được các bí quyết, quy trình sản xuất của các nghệ nhân cao niên trong các làng nghề.

Hệ thống chính sách và định hướng phát triển nghề, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống trong làng nghề truyền thống gắn với xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà Nước đã tạo cơ sở pháp lý cho mặt hàng thủ công mỹ nghệ và một số nghề, làng nghề truyền thống đi vào quỹ đạo sản xuất. Chính sách cho vay vốn phát triển được nói rộng hơn với lãi suất cho vay ưu đãi là điều kiện thuận lợi cho các hộ sản xuất giúp củng cố tiềm lực phát triển nghề, đầu tư mua trang thiết bị máy móc mở rộng quy mô sản xuất của mình. Nhất là khi chính quyền địa phương tiến hành quy hoạch cụm, điểm công nghiệp đã mở rộng diện tích mặt bằng cho các hộ sản xuất, hạn chế tình trạng sử dụng nhà ở làm nơi sản xuất gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và giảm thiểu ô nhiễm môi trường chốn làng quê.

Nhờ thực hiện các cam kết, nhất là cam kết WTO, hệ thống pháp luật được hoàn chỉnh, tính công khai, minh bạch rõ ràng hơn, thể chế kinh tế thị trường được khẳng định và môi trường kinh doanh ngày càng thông thoáng hơn. Đây là tiền đề rất quan trọng để Nhà nước thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, các doanh nghiệp làng nghề có điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh. Thị trường được mở rộng, các doanh nghiệp làng nghề có điều kiện đưa hàng hóa thủ công mỹ nghệ và dịch vụ của mình vào các nước tham gia hiệp định đã cam kết với mức thuế đã cắt giảm. Điều này tạo điều kiện cho các hộ sản xuất sản phẩm TCMN và sản phẩm nghề truyền thống tại các làng nghề mở rộng khả năng sản xuất, mở rộng quy mô đầu tư. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm thủ công mỹ nghệ và sản phẩm nghề truyền thống tại các làng nghề không bị phân biệt đối xử trong các vụ tranh chấp thương mại nhờ có cơ chế giải quyết tranh chấp chung.

3.2 Những thách thức đối với sự phát triển của các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh

Việt Nam gia nhập WTO đã tạo ra thị trường mở cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ và hàng hóa của một số làng nghề truyền thống, nhưng cũng từ đây, sự cạnh tranh kinh tế giữa sản phẩm giữa các làng nghề tại Hà Tĩnh và một số làng nghề ở các địa phương khác, quốc gia khác như Trung Quốc, Ấn Độ... càng trở nên gay gắt, nhất là khi mạng lưới liên kết giữa các hộ sản xuất với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp chưa cao chủ yếu còn mang tính địa phương cục bộ. Áp lực cạnh tranh khiến cho thị trường của các làng nghề bị thu hẹp, không tìm kiếm được các đơn hàng mới, nhiều đơn hàng đã ký nay buộc phải hủy bỏ hoặc bị dẫn tiến độ vì khách hàng không có khả năng thanh toán... Sức tiêu thụ trên thị trường trong

nước cũng giảm sút nặng nề. Các sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ. Các làng nghề đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nhức nhối, không ít làng nghề trong thời gian qua đã dần thoát ly sản xuất nông nghiệp, nay lại phải cố gắng quay về với nghề nông “truyền thống”.

Về thị trường lao động ở một số làng nghề ở Hà Tĩnh thì số lượng, chất lượng được nâng lên đáng kể nhưng thiếu lao động kỹ thuật, lao động có trình độ cao do đó việc ứng dụng những tiến bộ khoa học – công nghệ gặp những khó khăn nhất định, số lượng thợ kỹ thuật chuyên đi vào nghiên cứu, sáng tác mẫu mã thực sự còn ít, chưa được đào tạo cơ bản mà chủ yếu là do sự mỳ mò, tự học hỏi của người lao động. Quyền lợi của người lao động và vấn đề bảo hộ lao động chưa được quan tâm đúng mức, tình trạng sử dụng lao động trẻ em trong các làng nghề tiềm ẩn nhiều hệ lụy về luật pháp và xã hội như lạm dụng lao động trẻ em, trẻ em mãi kiếm tiền mà bỏ học văn hóa.

Việc đổi mới công nghệ của các nghề và làng nghề chủ yếu mang tính tự phát, nhỏ lẻ, và chỉ mới ứng dụng ở một số công đoạn sản xuất nhất định nên chưa mang tính hệ thống và đồng bộ. Cái khó của vấn đề này là nguồn vốn để đầu tư mua trang thiết bị mở rộng quy mô sản xuất còn gặp nhiều khó khăn. Phần lớn dựa vào nguồn vốn tự có ít ỏi, vay ngân hàng thì gặp nhiều trở ngại về thủ tục và lãi suất còn quá cao so với khả năng kiếm lời và chi trả của các hộ sản xuất, vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong việc hỗ trợ cho vay ưu đãi còn quá ít, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nghề. Các hộ sản xuất khó có thể vay được một nguồn vốn lớn nếu không chứng minh được năng lực kinh doanh, quy mô phát triển sản xuất của mình, do đó kim hãm tốc độ sản xuất của các hộ gia đình trong làng nghề.

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ và một số mặt hàng khác của các nghề truyền thống lại không sẵn có tại địa phương và phải nhập từ bên ngoài thông qua hệ thống các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH trong xã theo hình thức kinh doanh trung gian khiến việc sản xuất của các làng nghề bị phụ thuộc nhiều vào nguồn cung bên ngoài cả về chất lượng, số lượng và giá cả...

Môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Nhiều làng nghề đang gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường, đó là ô nhiễm môi trường không khí, do sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất và vật tư trong công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản thực phẩm, trong đó than là nguyên liệu được sử dụng phổ biến và gây ô nhiễm nhiều nhất; ô nhiễm môi trường nước (nước mặt và nước dưới đất) do nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất, như các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, dệt nhuộm... môi trường đất, do các chất thải rắn sinh ra, chủ yếu do các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, làng nghề dệt nhuộm và làng nghề tái chế giấy, làng nghề mây tre đan. Ô nhiễm tại làng nghề không chỉ ảnh hưởng trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của dân làng nghề mà còn ảnh hưởng lớn đến đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của nhân dân nhiều vùng xung quanh.

Khó khăn về mặt bằng cho sản xuất. Lâu nay, đất cho doanh nghiệp làng nghề làm mặt bằng cho sản xuất thường được giải quyết bằng nhiều cách như: phần nhiều là dùng ngay nhà mình làm cơ sở sản xuất (đây là tình hình phổ biến nhất hiện nay), nhưng cũng chính vì thế, những ngành sản xuất gây ra ô nhiễm trong làng nghề đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường của nhân dân trong vùng đang rất khó xử lý; hoặc thuê, mua của hộ gia đình hoặc cá nhân ở địa phương (nhưng khó khăn lớn nhất là giá thuê đất và việc đền bù, giải phóng mặt

bằng); thuê lại đất của doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước (nhưng giá cao, thời hạn không chắc chắn) và vào các khu, cụm công nghiệp, nhưng chỉ có một số rất ít doanh nghiệp làng nghề vào được các khu này, vì chi phí cao, khó vào, v.v... Đất cho sản xuất vẫn là một khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp làng nghề hiện nay, không chỉ là khó khăn đối với các doanh nghiệp hiện có trong làng nghề mà còn là khó khăn lớn đối với việc mở mang thêm các hộ sản xuất và doanh nghiệp làng nghề. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều địa phương chưa có quy hoạch cụ thể, một số vùng đất có vị trí thuận tiện đã được phân cho các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Cơ chế thị trường đã tạo ra lối sống thị trường và những suy thoái, lệch lạc trong quan điểm sống của một bộ phận người dân làng nghề truyền thống, nhất là trong giới trẻ, gây ra những hệ lụy là lối sống thực dụng, đề cao giá trị vật chất hay nói khác đi là giá trị văn hóa đang bị sức mạnh đồng tiền chi phối. Việc đề cao giá trị kinh tế là một trong những nguyên nhân chính khiến cho giá trị của các nghệ nhân, vốn được coi là linh hồn của nghề, làng nghề truyền thống có phần giảm đi. Điều này vô hình dung khiến cho mối liên kết cộng đồng, liên kết trong làng nghề bị rạn nứt và trở nên lỏng lẻo. Tình trạng đua đòi, sống hưởng thụ và các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy, bạo lực có xu hướng tăng trong một số năm gần đây.

Sự tăng trưởng nóng của ngành công nghiệp ở tỉnh Hà Tĩnh bên cạnh việc mang lại nhiều cơ hội công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, sự khởi sắc của nền kinh tế địa phương thì nó cũng tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn vong của các nghề và làng nghề truyền thống do lực lượng lao động nông thôn bị thu hút bởi các khu và cụm công nghiệp phát triển, sự ô nhiễm môi trường biển do sự xả thải tùy tiện của các nhà máy sản xuất công nghiệp đã tước đi nguồn nguyên liệu đầu vào của nghề truyền thống chế biến nước mắm và thủy hải sản Tam Hải, xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh và tương lai của nghề cũng có thể bị bóp chết trong một vài năm tới.

Sự quan tâm, đầu tư của các ngành, các cấp chưa thường xuyên, đồng bộ. Việc đầu tư công nghệ, trang thiết bị không phù hợp sẽ gặp khó khăn, phá vỡ đặc tính, đặc trưng của nghề và sản phẩm. Mặt khác, việc Nhà nước tác động vào các làng nghề là tác động vào một mô hình kinh tế khá nhạy cảm bởi vì nó tác động vào các nghệ nhân làng nghề, như là tác động vào các “nghệ sĩ”. Do đó, cơ chế, chính sách phải hết sức hợp lý, toàn diện và lâu dài...

4 Giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống tại Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay

Trên cơ sở nhìn nhận và đánh giá về thực trạng phát triển, cơ hội và thách thức đối với các làng nghề truyền thống tỉnh Hà Tĩnh, để có thể phát triển làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, đảm bảo các giá trị kinh tế, văn hóa, chúng ta cần phải áp dụng các biện pháp thiết thực, gắn với điều kiện kinh tế – văn hóa – xã hội của địa phương nhằm có thể khai thác những yếu tố thuận lợi và khắc phục những tồn tại đang có ở các làng nghề.

Cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nghề, làng nghề truyền thống. Việc quy hoạch phát triển nghề, làng nghề phải đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hệ thống đường giao thông, vùng nguyên liệu, quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã. Quy hoạch về phát triển ngành nghề, các cụm làng nghề phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất làng nghề

với các cụm dân cư, với sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Trong quy hoạch cần phải chọn những ngành nghề nào có thế mạnh của địa phương để ưu tiên phát triển. Ngoài việc phát triển những ngành nghề giải quyết nhiều lao động, cần chú trọng đầu tư những ngành nghề có công nghệ cao, sử dụng dây chuyền máy móc hiện đại để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tạo nguồn vốn cho phát triển sản xuất ở làng nghề truyền thống. Để đảm bảo vốn cho sản xuất làng nghề phát triển, cần giữ ổn định môi trường kinh tế – xã hội... để các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh yên tâm đầu tư. Đây là biện pháp quan trọng nhằm khai thác tốt nguồn vốn nhân rỗi trong dân cư ở nông thôn, chủ động hơn về vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh ở làng nghề. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn, phương thức huy động vốn và phương thức cho vay để tập trung đầu tư phát triển làng nghề. Phải nâng cao chất lượng và uy tín của hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, cần tranh thủ các nguồn vốn từ các nhà đầu tư trong nước, các tổ chức phi chính phủ, các chương trình, dự án của Trung ương hoặc hình thức liên kết kinh tế thông qua việc cung ứng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc và bao tiêu sản phẩm ở các làng nghề. Cần triển khai rộng rãi các hình thức tín dụng phục vụ cho sản xuất ở các làng nghề. Thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng, mô hình HTX tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân... để tạo điều kiện cho hộ và các cơ sở sản xuất của làng nghề vay vốn phát triển sản xuất và giải quyết một phần khó khăn khi thế chấp để vay vốn.

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế khu vực làng nghề truyền thống tìm kiếm, khai thác mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm của làng nghề thông qua các hình thức như quảng cáo, tham gia triển lãm, hội chợ trong nước và ngoài nước. Tạo thị trường tại chỗ cho các làng nghề phát triển sản xuất. Từng bước hoàn thiện hệ thống chợ, hình thành các chợ đầu mối tiêu thụ sản phẩm, để mua, bán, phát hiện nhu cầu, bố trí hệ thống siêu thị, hệ thống cửa hàng gắn với quy hoạch đô thị ở nông thôn, thị trấn, thị tứ và đô thị, gắn sản xuất với du lịch, xuất khẩu. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các hoạt động mua bán trên thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các hoạt động mua bán trên thị trường.

Cần mạnh dạn đầu tư xây dựng thương hiệu cho làng nghề của tỉnh. Để làm được điều này, tỉnh và các làng nghề cần đăng ký thương hiệu, tổ chức liên doanh liên kết, thu hút các nghệ nhân và thợ giỏi tham gia sản xuất ra những sản phẩm với chất lượng cao, giữ vững thương hiệu và đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục cho các thế hệ người sản xuất về giá trị của thương hiệu. Tăng cường sự hỗ trợ đào tạo nhân lực bao gồm đào tạo nghề, đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo về thiết kế cho lao động ở làng nghề. Đây là cách tốt nhất các làng nghề vừa duy trì vừa mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình một cách ổn định và bền vững.

Kết hợp các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh ở các làng nghề. Đây là biện pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển ở các làng nghề. Ở nhiều làng nghề trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh liên kết các đơn vị kinh doanh trên cơ sở chuyên môn hoá sản xuất. Khuyến khích việc thành lập các hiệp hội ngành nghề có nhiều thành phần kinh tế tham gia, liên kết các khâu trong quá trình tái sản xuất, kinh doanh thương mại; trao đổi, rút kinh nghiệm, phân công hợp tác sản xuất giúp nhau thông tin về khoa học công nghệ

và thị trường, bảo vệ lợi ích chính đáng của hội viên, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa công nghiệp ngoài quốc doanh với làng nghề. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế với các làng nghề, đặc biệt là các hộ sản xuất và các tổ chức kinh tế.

Khuyến khích và hỗ trợ làng nghề áp dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề thực hiện các chương trình khoa học công nghệ của tỉnh về ứng dụng thiết bị, công nghệ mới tiên tiến vào sản xuất ở các làng nghề truyền thống. Vì vậy, cần có sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức bên ngoài mà trước hết là các cơ quan chính quyền các cấp và hiệp hội ngành nghề. Cần tăng cường sự lãnh đạo và hỗ trợ từ phía Sở Khoa học – Công nghệ, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn Hà Tĩnh để có thể quản lý, tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất. Hỗ trợ thêm kinh phí chuyển giao công nghệ mới và đào tạo nghề cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Áp dụng mức thuế thấp hoặc miễn thuế nhập khẩu thiết bị sản xuất hàng xuất khẩu của làng nghề; ưu tiên cho thuê đất đối với các doanh nghiệp (hộ) có phương án đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường. Giảm thuế cho các cơ sở sản xuất trong thời gian đầu áp dụng công nghệ mới.

– Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho việc phát triển làng nghề. Nâng cao trình độ văn hoá chung cho người dân ở làng nghề. Đây là yếu tố cơ bản, có tính chất quyết định đến chất lượng lao động nông thôn. Vì vậy, tỉnh cần quan tâm hơn nữa đến việc phát triển giáo dục. Mở rộng quy mô đào tạo và đa dạng hoá các hình thức dạy nghề. Mời các chuyên gia giỏi về địa phương để dạy nghề và truyền nghề mới như thêu tranh, gỗ mỹ nghệ, đan lát... Kết hợp với các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành đào tạo thiết kế công nghiệp tổ chức các khoá đào tạo giúp đỡ người lao động nâng cao trình độ mỹ thuật, kỹ thuật để họ có thể tự tạo ra những mẫu mã sản phẩm đẹp, phong phú và có tính mỹ thuật cao. Thực hiện chế độ khuyến khích các cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà khoa học, các nhà quản lý tham gia phổ cập kiến thức, đào tạo cho lao động ở làng nghề nói riêng và khu vực nông thôn nói chung. Thông qua các hiệp hội, các quỹ phát triển (như quỹ khuyến công) để mở lớp và tạo nguồn kinh phí đào tạo.

5 Kết luận

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng của Việt Nam đã mở ra cho các làng nghề và nghề truyền thống của tỉnh Hà Tĩnh nhiều cơ hội phát triển. Một số điều kiện tự nhiên thuận lợi đã mang lại cho sản phẩm của làng nghề và nghề truyền thống những cơ hội bảo tồn và phát triển; kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển khá đồng bộ hợp lý đảm bảo cho sản xuất được ổn định và thuận lợi cho giao lưu buôn bán. Ngoài ra, hệ thống chính sách và định hướng phát triển nghề, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống trong làng nghề truyền thống gắn với xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà Nước đã tạo cơ hội phát triển cho nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại Hà Tĩnh. Tuy nhiên, nhìn chung sự phát triển các làng nghề ở Hà Tĩnh còn gặp những khó khăn, thử thách trong giai đoạn hiện nay. Nói chung, quy mô các làng nghề còn nhỏ bé, kỹ thuật sản xuất chủ yếu vẫn là thủ công, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh sản phẩm làng nghề thấp, do đó, thị trường tiêu thụ còn nhỏ hẹp. Đặc biệt, môi trường tại các làng nghề còn ô nhiễm nặng, việc khai thác tài nguyên cho sản

xuất còn kém hiệu quả. Thậm chí, một số làng nghề truyền thống đã không tìm được thị trường, bị mai một dần, theo đó là bản sắc văn hóa của địa phương cũng bị mai một theo. Sự cạnh tranh kinh tế giữa giữa sản phẩm giữa các làng nghề tại Hà Tĩnh và một số làng nghề ở các địa phương khác, quốc gia khác càng trở nên gay gắt; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, thiếu hợp tác, liên kết; việc đổi mới công nghệ của các nghề và làng nghề chủ yếu mang tính tự phát... Để đưa các nghề, làng nghề tại Hà Tĩnh bảo tồn và phát triển, các cấp chính quyền cũng như bản thân các làng nghề, hộ nghề phải thực hiện đồng bộ chính sách và giải pháp kinh tế – xã hội nhằm khuyến khích, hỗ trợ, giúp đỡ, tạo môi trường thuận lợi cho làng nghề phát triển trong bối cảnh hội nhập như hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Thế Anh và Nguyễn Ngọc Mai (2007), Giải pháp để phát triển làng nghề ở đồng bằng Sông Hồng, *Tạp chí Xưa và nay*, số 293, tr.4.
2. Phí Thị Bình (2011), Về cơ hội và thách thức của các làng nghề truyền thống hiện nay Trường hợp làng nghề mộc Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã Hội*, 11(334), 49–54.
3. Hoàng Hải, Nguyễn Hữu Thắng (2009), *Phát triển làng nghề nông thôn trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 4, 4–8.
4. Nguyễn Khắc Hoàn và Lê Thị Kim Liên (2012), Giải pháp khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống ở Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học Đại Học Huế*, 72B(3), 149–154.
5. Liên Minh (2007), Bảo tồn và phát triển làng nghề. Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Xưa và nay*, số 293, 23–35.
6. Trần Nhật Phong (2014), *Phát triển các làng nghề ở tỉnh Hà Tĩnh theo hướng bền vững*, Luận văn Thạc sĩ Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Đinh Văn Thái (2015), *Phát triển làng nghề trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh*, Luận văn thạc sĩ trường Đại học Vinh.
8. Nguyễn Vinh Thanh (2008), Phát triển thương hiệu sản phẩm làng nghề truyền thống Việt Nam hiện nay, *Tạp chí nghiên cứu Kinh tế*, số 4, 56–74.
9. Tôn Thất Viên (2007), Một số giải pháp tài chính, tín dụng trong phát triển làng nghề, *Tạp chí Kinh Tế và dự báo*, số 5, 23–28.

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR THE DEVELOPMENT OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN HA TINH PROVINCE AT PRESENT

Nguyen Khac Hoan^{1*}, Le Thi Phuong Thao², Hoang La Phuong Hien², Phan Minh Huấn¹

¹ Hue University

² HU – University of Economics

Abstract: This paper presents the research results assessing the opportunities and challenges for traditional craft villages in Ha Tinh province today. In general, favorable natural conditions, integral development of technical infrastructure, large population, along with supporting policies and proper orientation of the local government, etc. are main factors contributing to growth opportunities for the traditional craft villages in Ha Tinh province. However, this development is facing many difficulties and challenges such as the small-scale production, manual production techniques, low labor productivity, low competitive competence, etc. Therefore, to preserve and develop traditional craft villages in this province, the authorities, as well as the producers themselves, have to integrally implement the socio-economic policies and solutions to encourage the development of traditional craft villages in the context of the international economic integration.

Keywords: challenges, traditional craft villages, Ha Tinh province